

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.203**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 12/01/2022

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0055	Lê Trần Lâm Huy	15/10/1999				
2	TA0056	Lương Anh Huy	20/06/1999				
3	TA0057	Nguyễn Công Hoàng Huy	26/06/1999				
4	TA0058	Nguyễn Quang Huy	29/09/1999				
5	TA0059	Nguyễn Viết Huy	17/08/1999				
6	TA0060	Phùng Công Huy	22/08/1999				
7	TA0061	Khuất Thị Huyền	11/05/1999				
8	TA0062	Lê Diệu Huyền	06/10/1999				
9	TA0063	Ngô Thị Huyền	21/08/1999				
10	TA0064	Phạm Ngọc Huyền	16/02/1999				
11	TA0065	Nguyễn Trọng Khánh	25/05/1999				
12	TA0066	Nguyễn Trọng Khánh	03/10/1999				
13	TA0067	Nguyễn Văn Khoa	25/02/1999				
14	TA0068	Lưu Đình Kiên	28/04/1999				
15	TA0069	Nguyễn Trung Kiên	14/07/1997				
16	TA0070	Nguyễn Trung Kiên	19/12/1999				
17	TA0071	Nguyễn Trung Kiên	17/06/1999				
18	TA0072	Nguyễn Hồng Kỳ	26/01/1999				
19	TA0073	Nguyễn Văn Lâm	13/01/1999				
20	TA0074	Trần Tùng Lâm	10/10/1999				
21	TA0075	Nguyễn Thị Ngọc Lan	31/03/1999				
22	TA0076	Cao Thị Khánh Linh	24/09/1999				
23	TA0077	Nguyễn Thị Diệu Linh	29/06/1999				
24	TA0078	Nguyễn Thị Hương Linh	28/10/1999				

25	TA0079	Trần Thị Mỹ Linh	29/11/1999				
26	TA0080	An Phương Loan	02/10/1999				
27	TA0081	Nguyễn Xuân Lộc	30/03/1998				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)